

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36A/2024/DS-ST

Ngày 16 tháng 7 năm 2024

(V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hiền

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Đình Thanh và bà Chu Thị Xuyên

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Nhật Thanh - Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Luyện Văn Thông - Kiểm sát Viên.

Trong ngày 16/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 78/2024/TLST-DS ngày 28/3/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 142/2024/QĐDS – ST, ngày 20/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2024/QĐST-DS ngày 18/6/2024

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ trụ sở chính: Số B L, Phường L, quận Đ, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Toàn V – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị Thu T – Giám đốc phòng G, Ngân hàng N chi nhánh huyện Y, tỉnh Nghệ An (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Võ Thị C – sinh năm 1981

Trú tại xóm G xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An

(Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn và trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì vụ án có nội dung: Bà Võ Thị C vay vốn tại Ngân hàng Agribank huyện Y, tỉnh Nghệ An theo Hợp đồng tín dụng số 3606LAV202200739 ký kết ngày 18 tháng 01 năm 2022 với các nội dung cụ thể sau:

Số tiền nhận nợ ngày 19/12/2022: 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng);

Lãi suất: 12%/năm; Mục đích vay vốn: bổ sung vốn kinh doanh hàng tạp hóa; Thời hạn nhận nợ: 11 tháng; Kỳ hạn trả lãi: 04 kỳ, cụ thể: kỳ 01 ngày 01/01/2023, kỳ 02 ngày 01/04/2023, kỳ 03 ngày 01/07/2023, kỳ 04 ngày 01/10/2023; Thời hạn trả nợ gốc: 01 kỳ ngày 19/11/2023 trả nợ gốc 1.200.000.000 đồng.

Tài sản thế chấp cho khoản vay trên là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 252, tờ bản đồ số 58 tại xóm C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 031638 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp cho bà Võ Thị C ngày 31/12/2021 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3606LCL202200539 ngày 18/01/2022.

Tính đến ngày 16/7/2024, bà Võ Thị C đang nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn huyện N, tỉnh Nghệ An – Phòng G tổng số tiền 1.400.511.781 đồng (một tỷ bốn trăm triệu năm trăm mười một nghìn bảy trăm tám một đồng). Trong đó nợ gốc: 1,200,000,000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 162.581.918 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm tám mươi một nghìn chín trăm mười tám đồng); Nợ lãi quá hạn: 37.929.863 đồng (ba mươi bảy triệu chín trăm hai mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng).

Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Thành buộc bà Võ Thị C phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N, chi nhánh huyện Y, tỉnh Nghệ An – Phòng G, do bà Võ Thị C đã vi phạm kỳ hạn trả nợ theo Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 3606LDS202213228 ngày 19/12/2022. Khoản nợ trên đã quá hạn lãi từ ngày 02/7/2023 và quá hạn trả gốc từ ngày 21/11/2023. Tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/7/2024 là 1.400.511.781 đồng (một tỷ bốn trăm triệu năm trăm mười một nghìn bảy trăm tám một đồng). Trong đó nợ gốc: 1,200,000,000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 162.581.918 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm tám mươi một nghìn chín trăm mười tám đồng); Nợ lãi quá hạn: 37.929.863 đồng (ba mươi bảy triệu chín trăm hai mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trong trường hợp bà Võ Thị C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N, chi nhánh huyện Y, tỉnh Nghệ An – Phòng G thì đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Thành và cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để trả nợ cho Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và các chi phí liên quan.

Bị đơn bà Võ Thị C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử vụ án, nhưng bà C vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Kết quả xác minh ngày 06/5/2024 của Công an xã Đ như sau: bà Võ Thị C – sinh năm 1981, có địa chỉ cư trú tại xóm G, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Hiện đang có hộ khẩu thường trú tại xóm G, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Hiện nay bà C vắng mặt tại địa phương, bà đi đâu làm gì không rõ.

Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất và tài sản trên đất đã thể chấp để đảm bảo cho khoản vay thấy rằng hiện trạng thửa đất không có gì thay đổi, trên thửa đất không có tài sản gì, số đo các cạnh của thửa đất đúng với các cạnh của thửa đất được thể hiện trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đã được cấp.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự và đề nghị giải quyết vụ án nội dung vụ án như sau: Thẩm phán tiến hành thụ lý vụ đúng qui định **tại khoản 3 Điều 26**; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 điều 39 của BLTTDS. Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán qui định tại Điều 48, Điều 203 của BLTTDS. Xác định tư cách tham gia tố tụng theo qui định tại Điều 68 của BLTTDS. Tiến hành thu thập xác minh chứng cứ theo qui định tại chương VII của BLTTDS, làm rõ tình tiết khách quan của vụ án, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ và lấy lời khai đương sự theo qui định Điều 95; Điều 98 của BLTTDS. Hòa giải theo qui định tại Điều 205 của BLTTDS. Đã chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu theo qui định tại Điều 196 và Điều 220 của BLTTDS. Thư ký đã thực hiện đúng qui định tại điều 51 của BLTTDS. Hội đồng xét xử thực hiện đúng qui định tại Điều 243; 250; 251; 258; 260 và Điều 262 của BLTTDS .

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng qui định tại điều 70;71; 72; 73 75; 76; 85; 86 và Điều 234 của BLTTDS.

Về nội dung: đề nghị hội đồng xét xử Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 147, Điều 262 của BLTTDS; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 317; 318, 319,320,351, 463, 466, 468 BLDS 2015. Khoản 2 điều 91, 95 Luật ngân hàng và các tổ chức tín dụng; khoản 2 điều 26 nghị quyết 326/UBTVQH về án phí, lệ phí của Ủy ban thường vụ quốc hội xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng N,

Buộc bà Võ Thị C phải có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng N tổng số tiền 1.400.511.781 đồng (một tỷ bốn trăm triệu năm trăm mười một nghìn bảy trăm tám một đồng). Trong đó nợ gốc: 1,200,000,000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 162.581.918 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm tám mươi một nghìn chín trăm mười tám đồng); Nợ lãi quá hạn: 37.929.863 đồng (ba mươi bảy triệu chín trăm hai chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng). Buộc bà C phải có nghĩa vụ thanh toán lãi suất quá hạn tiếp theo tính từ ngày 16/7/2024 cho đến lúc thanh toán đầy đủ các khoản nợ.

Xử lý tài sản thế chấp: đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục thi hành dân sự phát mại tài sản thế chấp thu hồi nợ sau khi có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng N1 bà C không trả đầy đủ các khoản nợ gốc và lãi. Buộc bà C phải có nghĩa vụ thanh toán nợ còn lại nếu như sau khi phát mại tài sản thế chấp không đủ cho việc thanh toán nợ. Nếu bà C thanh toán đầy đủ

các khoản nợ cho ngân hàng N thì Ngân hàng phải trả lại các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho bên thế chấp. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo còn thừa sau khi đã thanh toán đầy đủ khoản nợ của bà C thì Ngân hàng N phải trả lại cho bà C.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng N đã nộp số tiền 5.000.000 đồng chi phí tố tụng, tại phiên tòa ngân hàng yêu cầu bị đơn hoàn trả chi phí nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

-Về án phí: Buộc ông bà Võ Thị C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Võ Thị C có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện Y tỉnh Nghệ An. Tại thời điểm ký kết các Hợp đồng với Ngân hàng N, bà Võ Thị Chung cư t tại xóm G, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Trong đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn như trong hợp đồng hai bên đã ký kết, xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần đối với bị đơn, nhưng đều vắng mặt. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Võ Thị C

[2] Về nội dung: Hợp đồng tín dụng số 3606LAV202200739 ngày 18/1/2022 giữa Ngân hàng N và bà Võ Thị C được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện. Nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái quy định của pháp luật, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức hợp đồng. Do đó hợp đồng các bên đã ký kết là hợp pháp, có hiệu lực đối với hai bên và cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình thực hiện các hợp đồng, nguyên đơn đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ của bên cho vay là giao đủ tiền theo khế ước nhận nợ và hợp đồng tín dụng mà hai bên đã kí. Tuy nhiên, về phía bị đơn, đến hạn thanh toán hợp đồng, bà C đã không thanh toán đầy đủ tiền gốc và lãi cho Ngân hàng N nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Quá trình giải quyết bà C vắng mặt và cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác;. Vì vậy, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà C trả số tiền nợ gốc và các khoản tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký (lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả) cụ thể: Nợ gốc: 1,200,000,000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 162.581.918 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm tám mươi một nghìn chín trăm mười tám đồng); Nợ lãi quá hạn:

37.929.863 đồng (ba mươi bảy triệu chín trăm hai chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng) là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên cần chấp nhận. Mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên cần buộc và C trả cho ngân hàng khoản tiền lãi tính đến ngày 16/7/2024 như nguyên đơn yêu cầu là có căn cứ, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N số tiền như sau: Nợ gốc: 1,200,000,000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 162.581.918 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm tám mươi một nghìn chín trăm mười tám đồng); Nợ lãi quá hạn: 37.929.863 đồng (ba mươi bảy triệu chín trăm hai chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng); Tổng cộng ngân hàng N yêu cầu bà Võ Thị C thanh toán 1.400.511.781 đồng (một tỷ bốn trăm triệu năm trăm mười một nghìn bảy trăm tám một đồng). Tiền lãi tiếp tục được tính từ ngày 16/7/2024 cho đến khi bà C trả hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký.

[2] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 252, tờ bản đồ số 58 có địa chỉ tại: xóm C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Diện tích 190,5m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số DD 031638, số vào sổ cấp GCN: CS 03339 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 31/12/2021. Các bên ký kết bởi người đại diện hợp pháp của ngân hàng là bên nhận thế chấp và chủ tài sản là bà C . Các bên tham gia đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện, không vi phạm điều cấm. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó hợp đồng thế chấp số 3606LCL202200539 ngày 18/01/2022 có hiệu lực pháp luật và buộc các bên phải thực hiện. Trường hợp bà C không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu chi cục thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm là có căn cứ cần chấp nhận.

Về chi phí tố tụng: Ngân hàng N đã nộp số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) chi phí tố tụng, tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà C hoàn trả chi phí này nên căn cứ khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự, hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu nguyên đơn.

Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Võ Thị C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí, Điều 147 BLTTDS 2015. Trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí mà ngân hàng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 147, điều 157, điều 227, điều 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 91, điều 94, Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2011, điều 26 nghị quyết 326/UBTVQH 14, Nghị quyết 03/2028- NQ_ HĐTP ngày 15/5/2018 của hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại tòa án nhân dân;

Căn cứ Điều 317, 318, 319, 320, 351, 463, 466, 468, 500, 501, 502 của bộ luật dân sự, nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của chính phủ về giao dịch bảo đảm được sửa đổi bổ sung theo nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 của chính phủ

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N: Buộc bà Võ Thị C phải có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng N tổng số tiền 1.400.511.781 đồng (một tỷ bốn trăm triệu năm trăm mười một nghìn bảy trăm tám một đồng). Cụ thể là Nợ gốc: 1,200,000,000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 162.581.918 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm tám mươi một nghìn chín trăm mười tám đồng); Nợ lãi quá hạn: 37.929.863 đồng (ba mươi bảy triệu chín trăm hai chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng) theo hợp đồng tín dụng số 3606LAV202200739 ngày 18/1/2022. Trường hợp bà Võ Thị C thanh toán hết nợ thì ngân hàng N có nghĩa vụ trả lại giấy tờ về tài sản thế chấp cho bà.

Trường hợp bà Võ Thị C không trả được nợ hoặc trả nợ không đủ của Hợp đồng tín dụng số 3606LAV202200739 ngày 18/1/2022 thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất số thửa đất số 252, tờ bản đồ số 58 có địa chỉ tại: xóm C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Diện tích 190,5m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số DD 031638, số vào sổ cấp GCN: CS 03339 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 31/12/2021. Theo Hợp đồng thế chấp số 3606LCL202200539 ngày 18/01/2022. Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì bà C tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng đến khi trả hết nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo còn thừa sau khi đã thanh toán đầy đủ khoản nợ của bà C thì Ngân hàng phải trả lại cho bà Võ Thị C.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/7/2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3606LAV202200739 ngày 18/01/2022. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

- Về chi phí tố tụng: Buộc bà Võ Thị C phải thanh toán cho Ngân hàng N chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 5.000.000 đồng

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 của BLTTDS; Điều 26 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Võ Thị C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại tiền tạm ứng án phí số tiền 25.725.000 đồng (hai mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) cho Ngân hàng N theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002704 ngày 28/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Ngân hàng N được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn bà Võ Thị C vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự
- THADS huyện YT
- VKSND huyện Yên Thành
- VKSND tỉnh Nghệ An
- TAND tỉnh Dương Thị Hiền
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VP TA

